**BÁO CÁO TÓM TẮT**

**Các nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Kỳ họp thứ 6,**

**Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII**

Căn cứ Chương trình Kỳ họp thứ 6 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tóm tắt các nội dung trình tại Kỳ họp, cụ thể như sau:

**I. TÌNH HÌNH KINH TẾ -XÃ HỘI NĂM 2023 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG,**

**1. Những kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém nguyên nhân**

Tổng sản phẩm xã hội trên địa bàn (GRDP) năm 2023 (*giá so sánh năm 2010*) ước khoảng 18.939 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng đạt 7,32%, đứng thứ 22 cả nước và thứ nhất Khu vực Tây Nguyên. Thu nhập bình quân đầu người 58,42 triệu đồng, đạt 102,49% kế hoạch. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước khoảng 27.035 tỷ đồng, đạt 100,13% kế hoạch và tăng 15,51% so với cùng kỳ. Thu ngân sách Nhà nước ước 4.200 tỷ đồng, đạt 93,3% dự toán tỉnh giao. Tỷ lệ giải ngân ước cả năm đạt 95%. Đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 13 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký hơn 2.011 tỷ đồng. Dự kiến năm 2023 có thêm 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 100% kế hoạch. Tổng giá trị tăng thêm của ngành nông nghiệp khoảng 6.623,27 tỷ đồng, đạt 101,9% kế hoạch và bằng 111,9% so với cùng kỳ. Đã trồng mới hơn 4.929 ha rừng, đạt 123,2% kế hoạch. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 16% so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ khoảng 34.184 tỷ đồng, đạt 108,59% kế hoạch, tăng 17,27% so với cùng kỳ. Đã giải quyết việc làm cho 7.053 lao động, đạt 117,55% kế hoạch. Toàn tỉnh có 190 trường trường đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ tốt nghiệp Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2023 của tỉnh đạt 98,78%, xếp thứ 38/63 tỉnh, thành phố, xếp vị trí thứ 2 khu vực Tây Nguyên (*sau tỉnh Lâm Đồng*). Tỷ lệ hộ nghèo giảm 4% so với năm 2022. Đã cấp 60.321 thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, cận nghèo; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế khoảng 93,35%, đạt 100% kế hoạch. Quốc phòng, an ninh được giữ vững ổn định. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội được thực hiện quyết liệt. Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện đúng quy định. Hoạt động đối ngoại được tăng cường, mở rộng.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế, khuyết điểm: Tốc độ tăng trưởng GRDP, thu ngân sách nhà nước không đạt kế hoạch; tiến độ giải ngân vốn đầu tư công còn chậm. Công tác đấu giá, khai thác quỹ đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng còn nhiều khó khăn. Việc ban hành giá đất cụ thể còn chậm; quản lý nhà nước về đất đai có mặt còn hạn chế. Nông nghiệp chưa phát huy được yếu tố lợi thế và gắn với công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ; chưa hình thành nhiều các vùng sản xuất tập trung đối với một số loại cây ăn quả, dược liệu để tạo vùng nguyên liệu lớn. Một số cơ sở giáo dục chưa đồng bộ, tình trạng thiếu giáo viên dạy học các cấp vẫn còn xảy ra. Công tác chuyển đổi số còn chậm; việc ứng dụng chuyển đổi số vào sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh còn hạn chế. Tình trạng xây dựng công trình trái phép một số nơi vẫn còn diễn ra; quản lý nhà nước về môi trường có mặt còn hạn chế. Tai nạn giao thông tăng cả ba tiêu chí.

Nguyên nhân là do: Ảnh hưởng tiêu cực từ thị trường bất động sản nên các dự án sử dụng từ nguồn thu tiền sử dụng đất chậm triển khai. Quy trình, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác còn phức tạp ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án. Tình hình thiên tai không thuận lợi; giá cả một số mặt hàng vật tư nông nghiệp và chi phí đầu vào tại một số thời điểm tăng cao, gây ảnh hưởng cho việc đầu tư thâm canh sản xuất trồng trọt. Các dự án trọng điểm có quy mô thu hồi đất lớn, đối tượng phải thu hồi đất nhiều, tính chất phức tạp; đơn giá bồi thường, giải phóng mặt bằng còn bất cập, chưa tạo được sự đồng thuận của người dân vùng bị ảnh hưởng. Một số sở, ban ngành, địa phương chưa thật sự chủ động, quyết liệt, sâu sát trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị chưa được phát huy. Các dự án khai thác quỹ đất, xử lý, sắp xếp các cơ sở nhà đất hiện đang triển khai các bước lập hồ sơ, thủ tục, do đó chưa phát sinh nguồn thu; bên cạnh đó, việc thực hiện cơ chế, chính sách miễn, giảm thuế của Quốc hội, Chính phủ đã ảnh hưởng đến số thu nộp ngân sách năm 2023. Công tác nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành còn chậm; năng lực, kinh nghiệm của một số đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công và chủ đầu tư có mặt còn hạn chế. Ý thức chấp hành pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng, an toàn giao thông, giữ gìn trật tự trị an... của một bộ phận người dân còn hạn chế,…

**2. Chỉ tiêu năm 2024**

***a) Về kinh tế:*** Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt từ 10% trở lên; GRDP bình quân đầu người trên 63,7 triệu đồng; Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từ 4.600 tỷ đồng trở lên. Cơ cấu kinh tế: Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản: 18-19%; Khu vực Công nghiệp và Xây dựng: 32-33%; Khu vực Dịch vụ: 41-42%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội từ 30.000 tỷ đồng trở lên. Thành lập mới từ 360 doanh nghiệp trở lên. Trồng mới ít nhất: 488 ha cây ăn quả; 200 ha cây Mắc ca; 500 ha Sâm Ngọc Linh; 1.560 ha cây dược liệu khác. Tổng đàn bò 90.300 con; tổng đàn trâu 24.400 con. Trồng mới trên 2.850 ha rừng; tỷ lệ che phủ rừng (*có tính cây cao su*) đạt 63,85%. Phấn đấu có thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Phấn đấu có 1.700.000 lượt khách du lịch đến tỉnh. Duy trì Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); phấn đấu Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) tăng 05 bậc so với năm 2023.

***b) Về văn hóa-xã hội và môi trường:*** Dân số trung bình năm 2024 khoảng 601.000 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 58,5%, trong đó đào tạo nghề đạt 42,5%. Giải quyết việc làm tăng thêm trong năm 6.500 lao động. Tỷ lệ hộ nghèo giảm ít nhất 3-4%/năm. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS, THPT chuyển sang học nghề lên 35%. Phấn đấu 48% số trường mầm non, 76% số trường tiểu học, 49% số trường trung học cơ sở, 54% số trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Số giường bệnh trên một vạn dân (*không tính trạm y tế xã*) đạt 39,3 giường. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 94,15%. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi còn dưới 28,8%. Tỷ lệ hộ gia đình ở đô thị sử dụng nước sạch đạt 92%. Tỷ lệ hộ gia đình ở khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 94%. Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số có đất ở đạt 99,03%. Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số có đất sản xuất đạt 98,97%. Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%; tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường 85%.

***c) Về quốc phòng, an ninh:*** Có 75% xã, phường, thị trấn mạnh về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; 85% xã, phường, thị trấn, khu dân cư, cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự; tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đạt 90% trở lên; tỷ lệ tội phạm về trật tự xã hội giảm 5%.

**3. Các nhiệm vụ, giải pháp năm 2024**

- Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các quy hoạch sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt. Triển khai hực hiện có hiệu quả kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Kon Tum; trong đó, tập trung hoàn thành việc trình cấp có thẩm quyền xem xét thông qua Đề án phát triển tỉnh Kon Tum nhanh và bền vững theo tinh thần Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Huy động, khai thác nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế để đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân để đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng. Có giải pháp mạnh, quyết liệt để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2024. Chủ động lồng ghép các nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia bảo đảm hiệu quả sử dụng các nguồn vốn, góp phần làm tăng hiệu suất đầu tư.

- Tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước; đẩy nhanh tiến độ đấu giá các trụ sở nhà đất để tạo nguồn thu đầu tư kết cấu hạ tầng.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; mở rộng diện tích các loại cây trồng chủ lực như: Cây ăn quả, Mắc ca, Sâm Ngọc Linh và các cây dược liệu khác; khôi phục và phát triển cà phê xứ lạnh, vùng nguyên liệu mía. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới và xây dựng thôn (làng) nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt công tác trồng mới, quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi tập trung ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi; phát triển chăn nuôi đại gia súc (*bò, dê*) lấy thịt và sữa; đẩy nhanh tiến độ đầu tư dự án chăn nuôi bò sữa tại huyện Sa Thầy.

- Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản, năng lượng tái tạo, khai thác khoáng sản. Tiếp tục tập trung đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để thu hút đầu tư các nhà máy chế biến: Gỗ, trái cây, Sâm Ngọc Linh và dược liệu khác; sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp...

- Chú trọng phát triển, khai thác các ngành dịch vụ có lợi thế. Nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ du lịch. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Đẩy mạnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; có giải pháp mở rộng, phân luồng giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu việc làm; đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm.

- Rà soát, sắp xếp, củng cố mạng lưới trường lớp học. Tổ chức triển khai thực hiện tốt các Đề án về nâng cao chất lượng giáo dục đã được ban hành. Đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút các nguồn lực đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là các trường tư thục chất lượng cao.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng y tế, nhất là tuyến cơ sở. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình.

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tiếp tục phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng, các môn thể thao chuyên nghiệp, thành tích cao mà địa phương có thế mạnh.

- Thực hiện hiệu quả các giải pháp bảo đảm thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều; thực hiện tốt chính sách về dân tộc, nhất là hỗ trợ định canh, định cư, đất ở, đất sản xuất, nhà ở đối với người đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo.

- Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực báo chí, xuất bản, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở, phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện tốt các kế hoạch, phương án về đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Thường xuyên truy quét, trấn áp, xử lý các loại tội phạm và vi phạm pháp luật. Triển khai hiệu quả các bản ghi nhớ hợp tác giữa tỉnh Kon Tum với các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia trong giai đoạn mới.

- Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo. Nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

**II. TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG TRÌNH KỲ HỌP THỨ 6 HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÓA XII**

Tại kỳ họp thứ 6 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII lần này, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tổng cộng 42 nội dung trong đó, bao gồm 21 báo cáo, 01 Kế hoạch và 20 Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xin trình bày tóm tắt 20 Tờ trình và dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

**1. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về quyết toán ngân sách địa phương và phân bổ kết dư ngân sách tỉnh năm 2022**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết toán ngân sách địa phương và phân bổ kết dư ngân sách tỉnh năm 2022 như sau:

a) Về số liệu quyết toán ngân sách năm 2022

- Tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2022: Tổng thu ngân sách địa phương 16.291 tỷ đồng; Tổng chi ngân sách địa phương 16.172 tỷ đồng; Kết dư ngân sách địa phương 119 tỷ đồng.

- Quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 *(sau khi loại trừ số bổ sung chuyển giao trợ cấp từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện và cấp huyện bổ sung cho cấp xã):* Tổng thu ngân sách địa phương 12.125 tỷ đồng; Tổng chi ngân sách địa phương 12.005 tỷ đồng; Kết dư ngân sách địa phương 119 tỷ đồng.

-Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2022: Tổng thu ngân sách tỉnh 9.538 tỷ đồng; Tổng chi ngân sách tỉnh 9.437 tỷ đồng; Kết dư ngân sách tỉnh 100,59 tỷ đồng.

b) Phương án phân bổ kết dư ngân sách tỉnh năm 2022: phân bổ kết dư ngân sách tỉnh năm 2022 để trả nợ gốc vay, lãi vay đến hạn trả trong năm 2024 của các dự án vay lại từ nguồn vốn nước ngoài của Chính phủ 8,86 tỷ đồng; nguồn kết dư ngân sách tỉnh còn lại 91,73 tỷ đồng trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ như sau:

- Trích 50% bổ sung vào quỹ dự trữ tài chính địa phương: 45,865 tỷ đồng.

- Chuyển vào thu ngân sách tỉnh năm 2023 là 45,865 tỷ đồng

**2. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2024**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2024như sau:

a) Dự toán thu ngân sách: Trung ương giao 3.253 tỷ đồng, tăng 0,2% so dự toán trung ương giao năm 2023. Địa phương trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao 4.600tỷ đồng, tăng 41,4% so dự toán trung ương giao năm 2024; tăng 2,2% so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2023, trong đó: thu nội địa 4.305 tỷ đồng, tăng so với dự toán Trung ương giao 45,5%;thu xuất nhập khẩu 295tỷ đồng *(bằng trung ương giao).*

b) Dự toán thu ngân sách địa phương: 10.634,124 tỷ đồng, trong đó: thu cân đối ngân sách địa phương 8.292,791 tỷ đồng; Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương 2.341,333 tỷ đồng.

c) Dự toán chi ngân sách địa phương giao *(bao gồm cả bội chi là 68.5 tỷ đồng)* 10.702,624 tỷ đồng, trong đó:

- Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương 8.292,791 tỷ đồng, tăng chi 1.347 tỷ đồngso dự toán Trung ương giao.

- Chi bổ sung mục tiêu nhiệm vụ cụ thể từ ngân sách Trung ương 2.341,333 tỷ đồng.

- Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương 68,5 tỷ đồng.

**3. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về kế hoạch vay, trả nợ công năm 2024**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2024, trong đó:

a) Tổng mức vay nguồn Chính phủ vay về cho vay lại trong năm 2024 là 77,1 tỷ đồng, trong đó: Vay trong năm là 68,5 tỷ đồng và vay trả nợ gốc là 8,6 tỷ đồng.

b) Kế hoạch chi từ nguồn ngân sách địa phương, kết dư ngân sách cấp tỉnh, tăng thu, tiết kiệm chi để trả nợ gốc, lãi vay và các loại phí vay trong năm 2024 là 10,96 tỷ đồng, trong đó: Trả nợ gốc là 8,86 tỷ đồng và trả lãi, phí vay là 2,1 tỷ đồng.

c) Kế hoạch vay, trả nợ từng dự án, chương trình cụ thể như sau:

- Vay để chi đầu tư phát triển: Tổng mức vay 68,5 tỷ đồng, gồm 03 danh mục dự án, chương tình thuộc cấp tỉnh đầu tư: Dự án Hỗ trợ phát triển Khu vực biên giới tiểu dự án tỉnh Kon Tum *(7 tỷ đồng)*; Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu *(15 tỷ đồng)*; Dự án cải thiện cơ sở hạ tầng môi trường đô thị giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu Thành phố Kon Tum *(46,5 tỷ đồng)*. Tổng mức vay để chi đầu tư phát triển *(68,5 tỷ đồng)* được dự kiến bằng mức đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 8678/BKHĐT-TH ngày 19 tháng 10 năm 2023.

- Vay để trả nợ gốc: Tổng mức vay 8,6 tỷ đồng*.*

- Kế hoạch chi để trả nợ gốc vay, trả lãi và các loại phí vay: 10,96 tỷ đồng; trong đó ngân sách cấp tỉnh chi 10,96 tỷ đồng *(Trả nợ gốc 8,86 tỷ đồng; trả lãi và các loại phí vay 2,1 tỷ đồng)*.

**4. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công năm 2024**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương của tỉnh năm 2024 là 2.282,8 tỷ đồng, địa phương giao tăng hơn so với mức vốn trung ương giao là 1.187,1 tỷ đồng thuộc nguồn thu tiền sử dụng đất.

a) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là 2.214,3 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức 547,2 tỷ đồng, trong đó: Phân cấp cho các huyện, thành phố 302,2 tỷ đồng; Đầu tư các nhiệm vụ, dự án cấp tỉnh khoảng 245 tỷ đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 1.587,1 tỷ đồng, trong đó nguồn thu tiền sử dụng đất do Trung ương giao 400 tỷ đồng và nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất từ các dự án có sử dụng đất tỉnh giao tăng thêm là 1.187,1 tỷ đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết 80 tỷ đồng.

b) Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là 68,5 tỷ đồng.

**5.** **Tờ trình dự thảo Nghị quyết về giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, cụ thể như sau:

a) Về mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Phấn đấu mức giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 là 4%.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo năm 2024 giảm 2,54%, trong đó giảm tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo từ 6% đến 8%.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Phấn đấu tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024 là 62,4% *(trong đó, tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao là 18,9% và tỷ lệ xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu là 7,5%)*, có 01 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

***b) Về phân bổ dự toán ngân sách Trung ương năm 2024***

Phân bổ **1.353,958** tỷ đồng dự toán ngân sách Trung ương năm 2024 cho các sở, ngành và các huyện, thành phố để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

- Phân bổ theo cấp tỉnh và cấp huyện như sau:

+ Phân bổ 264,469 tỷ đồng *(chiếm 19,53%)*, bao gồm 113,346 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển *(chiếm 14,2%)* và 151,123 tỷ đồng vốn sự nghiệp *(chiếm 27,2%)* cho các sở, ngành.

+ Phân bổ 1.089,489 tỷ đồng *(chiếm 80,47%)*, bao gồm 684,914 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển *(chiếm 85,8%)* và 404,575 tỷ đồng vốn sự nghiệp *(chiếm 72,8%)* cho các huyện, thành phố.

- Phân bổ theo từng chương trình như sau:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phân bổ 867,689 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 498,724 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 368,965 tỷ đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững phân bổ 325,739 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 171,101 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 154,638 tỷ đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phân bổ 160,530 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 128,435 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 32,095 tỷ đồng.

**6. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định về phân định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Thực hiện Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về phân định các nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum để thay thế Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong đó, dự thảo quy định gồm 7 Điều, cụ thể: ***(1)*** Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; ***(2)*** Điều 2. Nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường ngân sách cấp tỉnh; ***(3)*** Điều 3. Nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường ngân sách cấp huyện; ***(4)*** Điều 4. Nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường ngân sách cấp xã; (5) Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện; ***(6)*** Điều 6. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định về nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương trên địa bàn tỉnh Kon Tum; ***(7)*** Điều 7. Tổ chức thực hiện.

**7. Tờ trình và** d**ự thảo Nghị quyết Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, bổ sung các trang thiết bị quan trắc môi trường**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, bổ sung các trang thiết bị quan trắc môi trường, cụ thể:

a) Điều chỉnh mục tiêu đầu tư thành:

“Đáp ứng được các nhiệm vụ mang tính cấp thiết trong lĩnh vực quan trắc, giám sát môi trường phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum với các trang thiết bị quan trắc môi trường tiên tiến, hiện đại. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo vệ môi trường. Làm cơ sở đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ về môi trường và triển khai ứng dụng; đáp ứng các yêu cầu cơ bản của nhà đầu tư trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh về các giải pháp xử lý chất thải và khắc phục ô nhiễm môi trường”.

b) Điều chỉnh quy mô đầu tư từ “Đầu tư mới các trang thiết bị quan trắc môi trường đồng bộ và hiện đại” thành “Đầu tư mới 08 trang thiết bị quan trắc môi trường mang tính chất cấp thiết”.

c) Điều chỉnh nhóm dự án từ “Nhóm B” thành “Nhóm C”.

d) Điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án từ “Khoảng 99.998 triệu đồng” thành “Khoảng 13.640 triệu đồng”.

đ) Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn thành “Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương”.

e) Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án từ “04 năm” thành “Không quá 03 năm”.g) Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án từ “Từ năm 2020 - 2024” thành “Từ năm 2023”.

h) Các nội dung khác: Thực hiện theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

**8. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông từ cầu Drai đến đường Tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le (Đoạn Km7+316,41 Km12+482,07)**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông từ cầu Drai đến đường Tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le (Đoạn Km7+316,41 Km12+482,07), cụ thể như sau:

a) Điều chỉnh thời gian thực hiện từ “02 năm” thành “Không quá 03 năm”.

b) Các nội dung khác: Thực hiện theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

**9. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về phân bổ chi tiết kế hoạch nguồn ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 3)**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 3), cụ thể là phân bổ số vốn còn lại 19,195 tỷ đồng từ kế hoạch vốn nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2023, cụ thể như sau:

- Phân bổ cho dự án Nâng cấp Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Kon Tum lên 165 giường: 14,239 tỷ đồng;

- Phân cấp cho các huyện, thành phố lồng ghép thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 4,956 tỷ đồng.

**10. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn thu tiền sử dụng đất**

Qua rà soát tình hình giao kế hoạch và tiến độ thực hiện thu thực tế kế hoạch nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023, để đảm bảo theo quy định tại khoản 7 Điều 7 Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, đồng thời thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước trong đợt kiểm toán “*Chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2020 -2022 của tỉnh Kon Tum”*, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh kế hoạch năm 2023 nguồn thu tiền sử dụng đất (*nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất, tiền bán tài sản từ dự án khai thác quỹ đất tỉnh giao tăng thêm*); theo đó chỉ phân bổ kế hoạch cho các nhiệm vụ, dự án đã được thông báo chính thức số vốn với tổng kế hoạch là 95,436 tỷ đồng (*đối với các nhiệm vụ, dự án còn lại không giao kế hoạch năm 2023*), cụ thể:

- Chi quản lý đất đai tại tỉnh điều chỉnh giảm kế hoạch từ 120.681 triệu đồng thành 7,863 tỷ đồng;

- Dự án Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh giữ nguyên kế hoạch đã phân bổ là 31,151 tỷ đồng;

- Dự án Trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban ngành và các hạng mục phụ trợ điều chỉnh giảm kế hoạch từ 65 tỷ đồng thành 56,422 tỷ đồng.

**11. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết: “*Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở*”, cụ thể:

a) Mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết.

b) Các nội dung khác có liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và các văn bản pháp luật có liên quan

**12. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, mức phụ cấp, một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết Quy định chức danh, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum, như sau:

a) Chức danh, mức phụ cấp và bố trí đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã, gồm 15 chức danh sau: Văn phòng Đảng ủy; Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Tổ chức - Kiểm tra; Tuyên giáo - Dân vận; Kinh tế - Tổng hợp; Văn hóa - Xã hội; Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ; Nhân viên Thú y; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.

- Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã *(Bao gồm bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế*):

+ Đối với các chức danh: Văn phòng Đảng ủy; Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự: 1,5 mức lương cơ sở.

+ Đối với chức danh Tổ chức - Kiểm tra; Tuyên giáo - Dân vận: 1,46 mức lương cơ sở.

+ Đối với các chức danh: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Kinh tế - Tổng hợp; Văn hóa - Xã hội; Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ; Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ: 1,4 mức lương cơ sở.

+ Đối với chức danh Nhân viên Thú y: 1,36 mức lương cơ sở.

\* Hỗ trợ theo trình độ đào tạo: Người hoạt động không chuyên trách cấp xã có trình độ đại học trở lên hỗ trợ 0.3 mức lương cơ sở/người/tháng. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã có trình độ cao đẳng hỗ trợ 0,2 mức lương cơ sở/người/tháng. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã có trình độ trung cấp hỗ trợ 0,1 mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố,Thôn đội trưởng, Nhân viên y tế thôn và mức hỗ trợ người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

- Phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố(Bí thư chi bộ; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác Mặt trận)

+ Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã mức phụ cấp là 1,7 mức lương cơ sở/mỗi chức danh/tháng.

+ Đối với các thôn, tổ dân phố còn lại mức phụ cấp là 1,2 mức lương cơ sở/mỗi chức danh/tháng.

- Mức phụ cấp đối với Thôn đội trưởng, Nhân viên y tế thôn

+ Phụ cấp đối với Thôn đội trưởng bằng 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Phụ cấp đối với Nhân viên y tế thôn: Đối với Nhân viên y tế thôn tại các thôn đặc biệt khó khăn bằng 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng; đối với Nhân viên y tế thôn tại các thôn còn lại bằng 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng. Đối với Nhân viên y tế thôn (là cô đỡ thôn, bản) vừa là đối tượng thụ hưởng chính sách tại nghị quyết này, đồng thời vừa là đối tượng thụ hưởng chính sách tại các văn bản khác thì chỉ được hưởng một mức phụ cấp cao nhất.

- Mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố:Hỗ trợ 25.000.000 đồng/thôn, tổ dân phố/năm để chi hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố. Mức chi hỗ trợ không vượt quá 0,3/người/tháng. Giao Hội đồng nhân cấp xã quyết định chức danh và mức hỗ trợ cụ thể hàng tháng đối với những người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

c) Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã:Mức khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã *(gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh)* được phân bổ trong dự toán ngân sách hàng năm. Ngoài ra ngân sách hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã là 1.500.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

**13. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2023**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, như sau:

a) Về số lượng cán bộ công chức cấp xã:Số lượng cán bộ công chức theo phân loại đơn vị hành chính: **2.158** người, theo Quyết định số 1043-QĐ/TU ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao số lượng biên chế cán bộ công chức cấp xã năm 2024.

b) Về số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã:Tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh là **1.460** người, trong đó:

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách theo phân loại đơn vị hành chính: 1.332 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách tăng thêm theo quy mô dân số và diện tích tự nhiên: 128 người *(trong đó theo diện tích là: 94 người, theo quy mô dân số là 33 người).* Tăng 01 người so với năm 2023; việc tăng thêm do quy mô dân số tăng lên.

**14. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành quy định một số mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma tuý và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Trong thời gian tỉnh Kon Tum chưa thành lập cơ sở cai nghiện bắt buộc, mức chi thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma tuý bắt buộc thực hiện theo mức thu của cơ sở cai nghiện bắt buộc mà cơ quan, người có thẩm quyền của tỉnh Kon Tum chuyển, gửi người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Hỗ trợ người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú: cấp 01 (một) bộ quần áo mùa hè với mức hỗ trợ không quá 300.000 đồng/bộ/người hoặc 01 (một) bộ quần áo mùa đông với mức hỗ trợ không quá 400.000 đồng/bộ/người.

- Hỗ trợ đối với các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, gồm: **(1)** Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma tuý và thuốc chữa bệnh thông thường theo điểm a khoản 2, điểm b Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (**2)** Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân: Mức chi bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Hỗ trợ 100% chi phí chỗ ở cho tất cả các đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

**-** Hỗ trợ thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma tuý tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma tuý theo phân công của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã: Mức hỗ trợ bằng 0,6 lần mức lương cơ sở hiện hành.

**15.** **Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết phê duyệt Làng Le, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy là làng có đông đồng bào dân tộc có khó khăn đặc thù được đầu tư, hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết phê duyệt Làng Le, xã Mô Rai, huyện Sa thầy thuộc đối tượng đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở hạ tầng thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 9 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo quy định tại Khoản 26 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBDT ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

**16. Tờ trình dự thảo Nghị quyết thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh với 201 dự án/761,19 ha. Trong đó:

- Các dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai là: 08 dự án/100,89 ha.

- Các dự án đầu tư công không thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai là: 181 dự án/413,89 ha.

-Các dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước mà phải thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai là: 12 dự án/246,41 ha.

**17.** **Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của tỉnh Kon Tum năm 2024**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Kon Tum năm 2024, như sau:

a) Biểu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa: Biện pháp công trình: **(i)** Tưới tiêu bằng động lực là 1.629.000 đồng/ha/vụ **(ii)** Tưới tiêu bằng trọng lực là 1.140.000 đồng/ha/vụ và Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ là 1.385.000 đồng/ha/vụ. Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá trên. Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá trên. Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá trên. Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá trên. Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% mức giá quy định trên.

b) Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa.

c) Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới đối với cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo các biện pháp công trình gồm**: (i)** Cấp nước cho chăn nuôi bằng biện pháp Bơm là 1.320 đồng/m3 và biện pháp hồ đập, kênh cống là 900 đồng/m3; **(ii)** Cấp nước để nuôi trồng thủy sản bằng biện pháp Bơm là 840đồng/m3 và biện pháp hồ đập, kênh cống là 600 đồng/m3; 250 đồng/m2 mặt thoáng/năm; **(iii)** Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu bằng biện pháp Bơm là 1.020 đồng/m3 và biện pháp hồ đập, kênh cống là 840 đồng/m3. Trường hợp cấp nước tưới đối với cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

d) Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

*\* Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Nghị quyết này là giá không có thuế giá trị gia tăng.*

**18. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung và mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Thực hiện Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung và mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum để thay thế Nghị quyết số 86/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong đó, dự thảo Quy định gồm có 02 Chương và 03 Điều gồm: ***(1)*** Điều 1. Phạm vi điều chỉnh; ***(2)*** Điều 2. Đối tượng áp dung; ***(3)*** Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể.

**19. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Thực hiện Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chinh phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết Quy định nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum để thay thế Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 87/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong đó, dự thảo Quy định gồm có 03 Chương và 06 Điều, gồm: ***(1)*** Điều 1. Phạm vi điều chỉnh; ***(2)*** Điều 2. Đối tượng áp dụng; ***(3)*** Điều 3. Nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; ***(4)*** Điều 4. Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; ***(5)*** Điều 5. Hồ sơ, mẫu hồ sơ, điều kiện và yêu cầu trong lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết; trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; ***(6)*** Điều 6. Nội dung hỗ trợ, trình tự thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng.

**20. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum, như sau:

- Tổng số các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác là: 10 dự án/14,34 ha.

- Tổng số các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ vào mục đích khác là: 01 dự án/1,53 ha.

*(Chi tiết các nội dung trình tại các Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh đã được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.